



BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT KHÓA HỌC

Lớp: 16TCN-LĐL1

Ngành: Lắp đặt thiết bị lạnh - 407

Chuyên ngành: Lắp đặt thiết bị lạnh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Anh văn 1	Cơ sở kỹ thuật điện	Toán 1	Vật Lý 1	Hóa học 1	Ngữ Văn 1	Giáo dục thể chất	An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp	Vẽ kỹ thuật	Tin học	Học lực	
				4	2	6	4	4	4	2	2	2	1	Điểm	Xếp loại
1	16000312	Lê Gia	Ân	7.6	5.5	4.6	8.5	5.3	7.4	6.6	7.4	3.7	7.4	6.2	
2	16000351	Vũ Thiên	Ân	4.4	1.3	0.0	0.0	0.4	2.1	0.0	1.7	0.0	1.6	1.1	
3	16000687	Đặng Hoàng Tuấn	Anh	5.2	2.8	3.3	3.1	2.5	3.6	2.3	2.9	0.0	4.7	3.1	
4	16000076	Nguyễn Hoàng	Anh	7.5	5.1	3.3	3.9	2.1	5.1	7.7	4.9	1.4	5.9	4.4	
5	16000509	Nguyễn Hoàng	Anh	6.1	5.4	3.7	5.7	4.4	5.7	4.0	6.8	0.6	6.1	4.7	
6	16000297	Vũ Hoàng Hải	Anh	9.8	7.4	7.8	9.8	7.7	7.7	9.1	7.7	7.3	8.9	8.1	
7	16000304	Hồ Bá	Bách	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
8	16000234	Nguyễn Trọng Phú	Cường	6.1	5.4	4.2	5.3	3.9	5.9	6.0	7.7	3.6	7.0	5.1	
9	16000573	Nguyễn Vũ Huy	Cường	6.1	4.7	5.3	6.2	4.2	5.7	7.1	6.8	0.9	5.9	5.2	
10	16000571	Diệp Minh	Đạt	6.3	4.7	4.4	8.5	1.4	4.7	6.7	7.9	3.1	7.3	5.2	
11	16000242	Vũ Tiến	Đức	4.6	0.0	1.5	0.9	0.5	2.1	2.0	1.7	0.0	2.2	1.6	
12	16000546	Vũ Nguyễn Hoàng	Dũng	6.8	0.7	3.5	6.0	1.4	5.0	6.3	1.7	0.0	6.3	3.9	
13	16000499	Trần Quốc	Hậu	4.3	1.6	0.5	0.0	0.4		3.7	0.0	0.0	2.4	1.1	
14	16000066	Trần Trọng	Hiếu	5.6	4.5	3.8	5.8	2.0	4.6	7.3	7.4	0.0	6.8	4.5	
15	16000140	Nguyễn Tiến	Hùng	2.2	0.0	0.0	0.0	0.3		0.0	0.0	0.0	2.2	0.4	
16	16000406	Dương Nhựt	Huy	8.2	3.6	4.2	4.6	0.5	5.2	4.6	0.0	1.0	7.8	4.0	
17	16000143	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	6.4	5.6	3.5	7.8	4.3	6.2	8.1	7.0	2.1	8.0	5.5	
18	16000191	Lê Ngọc	Hy	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
19	16000425	Đinh Duy	Kha	2.9	0.0	0.6	0.0	1.4		0.0	0.0	0.0	1.1	0.7	

20	16003795	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	4.7	3.2	3.5	8.0	1.5	6.1	8.6	2.6	0.0	3.1	4.3	
21	16000518	Phạm Đăng	Khoa	4.9	1.4	3.1	2.7	0.8	3.6	6.3	0.0	0.0	2.7	2.7	
22	16000294	Phạm Nhật	Khoa	5.7	5.0	3.7	5.4	3.0	5.8	8.4	7.0	2.1	6.4	4.8	
23	16000599	Trần Minh	Kiệt	5.1	5.9	4.4	6.9	5.1	5.0	7.7	6.6	4.3	6.4	5.3	
24	16000020	Trần Đức	Linh	6.5	6.7	7.1	9.1	7.0	6.5	9.0	7.0	4.0	7.5	6.9	
25	16000046	Nguyễn Tấn	Lộc	5.1	5.3	3.8	8.4	1.4	5.1	8.7	5.5	1.4	7.3	4.9	
26	16000164	Nguyễn Quang	Lợi	8.0	5.9	5.4	9.2	6.1	6.4	8.9	6.5	4.0	7.4	6.6	
27	16000679	Hoàng Đình	Long	6.9	5.1	4.1	7.7	5.1	5.2	8.1	5.7	1.4	5.2	5.3	
28	16000567	Phan Hoàng Bảo	Long	3.9	1.6	3.4	3.9	0.8	4.8	8.6	1.4	1.0	6.6	3.4	
29	16000389	Huỳnh Ngọc	Mỹ	6.9	5.6	4.4	8.5	4.8	5.6	9.4	7.4	3.5	7.6	5.9	
30	16000193	Trần Quang	Mỹ	8.0	5.8	4.0	7.7	4.1	5.2	6.4	7.2	3.2	6.7	5.5	
31	16000396	Nguyễn Hoàng Trọng	Nghĩa	5.2	1.4	0.8	1.6	1.5	3.0	0.9	1.4	0.0	3.8	1.9	
32	16000474	Nguyễn Tấn	Ngôn	4.2	3.2	3.7	3.6	2.5	3.3	7.4	3.4	0.0	4.7	3.4	
33	16000480	Lại Gia	Phát	6.3	1.6	3.8	6.2	0.7	4.2	8.9	0.0	2.4	4.7	3.9	
34	16000277	Phạm Ngọc Mạnh	Phát	7.3	6.0	4.3	5.3	1.9	4.9	7.4	5.6	0.7	1.1	4.6	
35	16000421	Nguyễn Hiểu Hồng	Phi	5.2	3.5	3.2	5.6	1.8	5.0	7.9	6.8	1.0	6.4	4.3	
36	16000619	Vũ Đình	Phú	6.2	4.9	3.3	6.7	1.4	5.9	7.4	3.7	1.0	7.6	4.5	
37	16000227	Nguyễn Hoàng	Phúc	5.5	1.7	3.1	7.5	1.5	3.4	7.7	1.4	0.0	4.4	3.7	
38	16000105	Đào Xuân	Quảng	4.3	1.8	1.1	1.1	1.3	3.6	6.6	2.0	0.0	3.1	2.3	
39	16000416	Mai Thanh	Sang	2.8	3.0	1.7	0.0	1.1	2.3	2.3	0.0	0.0	1.1	1.5	
40	16000124	Nguyễn Hoàng	Tâm	6.6	5.6	5.2	8.1	5.5	5.4	7.7	6.8	3.1	7.9	5.9	
41	16000038	Lê Minh	Tân	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		1.4	0.0	0.0	0.0	0.1	
42	16000211	Nguyễn Lê	Tấn	7.1	5.2	4.3	9.8	4.2	5.1	8.3	5.8	1.6	7.8	5.7	
43	16000045	Đặng Gia	Thành	8.7	7.2	6.9	9.8	8.2	6.9	7.7	8.3	5.4	8.7	7.5	
44	16000644	Nguyễn Cao Đức	Thiên	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
45	16000074	Đình Lưu Phúc	Thiện	5.1	5.3	3.8	6.9	4.0	5.2	6.3	5.6	1.1	7.3	4.8	
46	16000171	Lê Kim	Thìn	4.9	2.9	3.0	3.6	1.5	2.1	1.7	0.0	1.0	1.1	2.5	
47	16000025	Đoàn Đức	Thịnh	4.0	1.4	1.8	2.2	2.3	2.6	0.0	0.0	0.0	3.8	1.9	
48	16000601	Phan Đăng	Thịnh	7.9	5.5	4.4	7.6	4.7	5.9	8.4	5.8	1.1	7.2	5.6	
49	16001192	Nguyễn Lê Hùng	Thuận	7.6	6.3	3.9	9.0	5.8	6.3	9.1	5.9	4.4	8.1	6.2	
50	16000570	Diệp Minh	Tiến	6.0	5.7	5.1	9.8	2.1	5.7	7.6	7.2	3.7	7.5	5.8	

51	16000261	Phạm Xuân	Trường	3.3	1.5	3.2	2.7	0.6	3.3	4.6	0.0	0.0	1.1	2.3	
52	16000274	Nguyễn Hoàng	Tuấn	5.5	4.8	3.7	5.0	4.1	3.8	4.9	2.6	0.0	3.1	3.9	
53	16000236	Lê Trần Thanh	Tùng	6.9	5.1	3.5	5.5	1.8	5.6	8.0	4.6	2.4	6.1	4.7	
54	16000012	Vũ Lê Bá	Tùng	5.4	4.9	3.2	5.3	2.0	4.4	7.1	6.1	1.6	7.3	4.3	
55	16000364	Nguyễn Trương Thành	Vân	6.7	4.5	3.4	5.1	1.4	4.6	4.3	5.9	0.4	5.4	4.1	
56	16000086	Võ Thành	Văn	8.2	5.6	3.5	6.7	2.1	4.9	7.7	7.2	1.4	6.3	5.1	
57	16000681	Hoàng Đình	Vinh	6.2	4.6	3.7	4.4	4.7	5.2	8.3	6.0	1.9	6.4	4.8	
58	16000411	Trần Trọng	Vinh	2.3	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.3	

In bởi Võ Anh Hòa ,TP. HCM, ngày 13 tháng 03 năm 2017

[illegible]

[illegible]

[illegible]